



**Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn
Sông Tiên**

**Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2022**



Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Tiền
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận
Đăng ký Doanh nghiệp số

5403000030
1500459121

ngày 17 tháng 3 năm 2006
ngày 9 tháng 7 năm 2016

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 1500459121 ngày 26 tháng 12 năm 2022. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Vĩnh Long cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Koo Liang Kwee

Chủ tịch
(từ ngày 18 tháng 2 năm 2022)

Ông Teo Hong Keng

Chủ tịch
(đến ngày 18 tháng 2 năm 2022)

Ông Lương Trung Nhân

Thành viên

Bà Nguyễn Thị Thu Hà

Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Chim Thị Ngọc Mỹ

Trưởng Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Trang

Thành viên

Bà Nguyễn Thị Bích Hà

Thành viên

Ban Giám đốc

Bà Phang Ashlyn

Giám đốc
(từ ngày 26 tháng 12 năm 2022)

Ông Lương Trung Nhân

Giám đốc

Ông Bùi Chí Hiếu

(đến ngày 26 tháng 12 năm 2022)
Kế toán trưởng

Trụ sở đăng ký

Số 11, Khóm Tân Vĩnh Thuận, Phường Tân Ngãi
Thành phố Vĩnh Long
Tỉnh Vĩnh Long
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Tiền
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Tiền (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 31 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc *Phang*



Tỉnh Vĩnh Long, ngày 8 tháng 3 năm 2023



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Tiền

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Tiền (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 8 tháng 3 năm 2023, được trình bày từ trang 5 đến trang 31.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 23-01-00060-23-1



Nelson Rodriguez Casihan
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2225-2023-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Chang Hung Chun
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0863-2023-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 8 tháng 3 năm 2023



Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Tiền
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu B 01 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	100		279.325.004.852	354.054.299.733
Tiền	110	5	20.990.142.590	6.459.094.360
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		200.429.309.191	192.144.717.127
Phải thu của khách hàng	131	6	172.103.305.827	154.867.280.778
Trả trước cho người bán	132		173.285.100	97.820.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	28.152.718.264	37.179.616.349
Hàng tồn kho	140	8	46.628.335.822	144.216.202.314
Hàng tồn kho	141		46.633.291.822	144.302.834.314
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(4.956.000)	(86.632.000)
Tài sản ngắn hạn khác	150		11.277.217.249	11.234.285.932
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12(a)	11.236.765.965	6.174.064.927
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		40.451.284	5.034.770.887
Thuế phải thu Nhà nước	153		-	25.450.118
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		31.154.871.904	37.045.190.475
Các khoản phải thu dài hạn	210		3.238.576.968	3.238.576.968
Phải thu dài hạn khác	216		3.238.576.968	3.238.576.968
Tài sản cố định	220		22.992.688.470	24.819.287.147
Tài sản cố định hữu hình	221	9	7.052.571.977	8.456.265.911
Nguyên giá	222		24.503.767.364	24.454.366.364
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(17.451.195.387)	(15.998.100.453)
Tài sản cố định vô hình	227	10	15.940.116.493	16.363.021.236
Nguyên giá	228		22.001.889.689	21.906.389.689
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(6.061.773.196)	(5.543.368.453)
Tài sản dở dang dài hạn	240		51.383.709	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		51.383.709	-
Đầu tư tài chính dài hạn	250		4.000.000.000	4.000.000.000
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253	11	4.000.000.000	4.000.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		872.222.757	4.987.326.360
Chi phí trả trước dài hạn	261	12(b)	522.965.573	4.987.326.360
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		349.257.184	-
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		310.479.876.756	391.099.490.208

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này


Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Tiên
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		141.951.040.342	286.004.684.742
Nợ ngắn hạn	310		139.869.012.217	283.922.656.617
Phải trả người bán	311	13	85.331.277.809	143.185.794.003
Người mua trả tiền trước	312		1.970.862.732	4.620.857.462
Thuế phải nộp Nhà nước	313	14	18.888.862.469	6.484.367.438
Phải trả người lao động	314		15.358.892.874	9.602.519.687
Chi phí phải trả	315	15	4.229.310.265	3.241.438.336
Phải trả ngắn hạn khác	319	16	3.890.128.182	105.253.695.656
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	17	10.199.677.886	11.533.984.035
Nợ dài hạn	330		2.082.028.125	2.082.028.125
Dự phòng phải trả dài hạn	342		2.082.028.125	2.082.028.125
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		168.528.836.414	105.094.805.466
Vốn chủ sở hữu	410	18	168.528.836.414	105.094.805.466
Vốn cổ phần	411	19	40.000.000.000	40.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		40.000.000.000	40.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	20	17.402.513.589	17.402.513.589
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		111.126.322.825	47.692.291.877
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		681.353	614.280
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		111.125.641.472	47.691.677.597
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		310.479.876.756	391.099.490.208

Ngày 8 tháng 3 năm 2023

Người lập:


 Trần Thị Mỹ Nhân
 Kế toán

Người duyệt:


 Bùi Chí Hiếu
 Kế toán trưởng


 Phang Ashlyn
 Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Tiền
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2022 VND	2021 VND
Doanh thu bán hàng	01	23	4.509.899.358.500	3.240.230.194.360
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	23	2.352.880.530	1.197.892.380
Doanh thu thuần về bán hàng (10 = 01 - 02)	10	23	4.507.546.477.970	3.239.032.301.980
Giá vốn hàng bán	11	24	4.264.249.409.080	3.089.101.540.309
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		243.297.068.890	149.930.761.671
Doanh thu hoạt động tài chính	21		953.663.086	660.247.892
Chi phí bán hàng	25	25	291.111.215.009	248.223.207.892
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	19.067.335.847	15.946.627.410
Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 25 - 26)	30		(65.927.818.880)	(113.578.825.739)
Thu nhập khác	31	27	211.920.614.208	183.195.450.033
Chi phí khác	32		322.143.568	30.442.523
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		211.598.470.640	183.165.007.510
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		145.670.651.760	69.586.181.771
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	30.523.374.417	14.576.018.436
(Lợi ích)/chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	29	(349.257.184)	39.600.000
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		115.496.534.527	54.970.563.335
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	27.913	12.054

Ngày 8 tháng 3 năm 2023

Người lập:



Trần Thị Mỹ Nhân
Kế toán

Người duyệt:



Bùi Chí Hiếu
Kế toán trưởng



Phang Ashlyn
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Tiền
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã	Thuyết	2022	2021
	số	minh	VND	VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01		145.670.651.760	69.586.181.771
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		1.971.499.677	2.016.251.316
Các khoản dự phòng	03		(81.676.000)	(64.668.000)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(953.663.086)	(660.247.892)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		146.606.812.351	70.877.517.195
Biến động các khoản phải thu	09		(3.264.822.343)	(49.665.108.601)
Biến động hàng tồn kho	10		97.669.542.492	(69.241.312.381)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(47.421.852.863)	50.792.065.496
Biến động chi phí trả trước	12		(598.340.251)	11.022.948.871
			192.991.339.386	13.786.110.580
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(27.264.190.032)	(18.108.887.723)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(1.495.503.833)	(1.562.790.515)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		164.231.645.521	(5.885.567.658)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định	21		(196.284.709)	(238.923.955)
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		953.663.086	660.247.892
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		757.378.377	421.323.937

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Tiên
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2022 VND	2021 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền chi trả cổ tức	36		(150.457.975.668)	(10.846.086.168)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(150.457.975.668)	(10.846.086.168)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		14.531.048.230	(16.310.329.889)
Tiền đầu năm	60		6.459.094.360	22.769.424.249
Tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	5	20.990.142.590	6.459.094.360

Ngày 8 tháng 3 năm 2023

Người lập:


 Trần Thị Mỹ Nhân
 Kế toán

Người duyệt:


 Bùi Chí Hiếu
 Kế toán trưởng


 Phang Ashlyn
 Giám đốc



Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Tiên
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Tiên (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là kinh doanh bia, rượu và các sản phẩm liên quan; cung cấp dịch vụ nhà hàng; cung cấp dịch vụ kho bãi, lưu giữ hàng hóa và dịch vụ vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

Công ty có trụ sở chính tại ấp Tân Vĩnh Thuận, xã Tân Ngãi, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có các chi nhánh hạch toán phụ thuộc, chi tiết như sau:

Chi nhánh	Địa chỉ
Chi nhánh Long An	Số 177 Quốc lộ 62, phường 6, thành phố Tân An, tỉnh Long An, Việt Nam
Chi nhánh Tiền Giang	Số 39B, tổ 1, ấp Phước Hòa, xã Phước Thạnh, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, Việt Nam
Chi nhánh Trà Vinh	Quốc lộ 53, ấp Bến Cỏ, xã Nguyệt Hóa, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh, Việt Nam
Chi nhánh Đồng Tháp	Số 530K, tổ 20, ấp An Định, xã An Bình, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam
Chi nhánh Bến Tre	Số 49B đường Đồng Văn Cống, ấp Bình Thành, xã Bình Phú, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre, Việt Nam

(c) Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có 522 nhân viên (1/1/2022: 534 nhân viên).

Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Tiền
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Tiền
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi giá mua hàng tồn kho và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.



Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Tiền
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	8 – 10 năm
▪ thiết bị quản lý	3 – 7 năm
▪ tài sản khác	4 – 5 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá trị của quyền sử dụng đất được ghi nhận trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 50 năm.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 5 năm.

(h) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình lắp đặt.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Bao bì luân chuyển

Bao bì luân chuyển bao gồm chai, két sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh của Công ty và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Bao bì luân chuyển được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 5 năm.

Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Tiền
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(j) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

(l) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Tiền
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iii) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(o) Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê trong suốt thời gian thuê.

(p) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán năm báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Công ty không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng, do đó quy định về trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Tiên
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(q) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(r) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là bên liên quan.

(s) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm trước.

4. Báo cáo bộ phận

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là mua bán bia. Hoạt động khác là kinh doanh vật liệu và bao bì; cung cấp dịch vụ nhà hàng; cung cấp dịch vụ kho bãi, lưu giữ hàng hóa và dịch vụ vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Trong năm Công ty không thực hiện hoạt động kinh doanh nào khác ngoài hoạt động mua bán bia. Theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 1 tháng 1 năm 2022 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021 đều liên quan đến hoạt động kinh doanh chính của Công ty.

Về mặt địa lý, Công ty chỉ hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.



Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Tiền
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

5. Tiền

	31/12/2022	1/1/2022
	VND	VND
Tiền mặt	104.940.660	66.623.903
Tiền gửi ngân hàng	20.885.201.930	6.392.470.457
	20.990.142.590	6.459.094.360

6. Phải thu của khách hàng

Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn

	31/12/2022	1/1/2022
	VND	VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn, công ty mẹ	171.753.037.227	154.867.280.778
Công Ty TNHH Một Thành Viên Tập Đoàn Bia Sài Gòn, bên liên quan khác	350.268.600	-
	172.103.305.827	154.867.280.778

Khoản phải thu từ công ty mẹ phản ánh khoản phải thu về hỗ trợ chi phí bán hàng. Khoản phải thu từ công ty mẹ và bên liên quan khác không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi yêu cầu.

7. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2022	1/1/2022
	VND	VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	27.288.853.996	37.175.642.650
Phải thu khác	863.864.268	3.973.699
	28.152.718.264	37.179.616.349

Khoản phải thu phi thương mại từ công ty mẹ không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi yêu cầu.

Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Tiên
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

8. Hàng tồn kho

	31/12/2022		1/1/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	250.594.400	-	2.993.523.000	-
Công cụ và dụng cụ	6.203.102.788	(4.956.000)	5.776.143.950	(86.632.000)
Hàng hóa	40.179.594.634	-	135.533.167.364	-
	46.633.291.822	(4.956.000)	144.302.834.314	(86.632.000)

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	2022 VND	2021 VND
Số dư đầu năm	86.632.000	151.300.000
Dự phòng hoàn nhập trong năm	(81.676.000)	(64.668.000)
Số dư cuối năm	4.956.000	86.632.000

Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Tiền**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***9. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị quản lý VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	17.279.822.262	6.408.092.422	680.451.680	86.000.000	24.454.366.364
Tăng trong năm	-	-	49.401.000	-	49.401.000
Số dư cuối năm	17.279.822.262	6.408.092.422	729.852.680	86.000.000	24.503.767.364
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	9.446.898.054	6.089.508.572	375.693.827	86.000.000	15.998.100.453
Khấu hao trong năm	1.166.453.640	41.284.728	245.356.566	-	1.453.094.934
Số dư cuối năm	10.613.351.694	6.130.793.300	621.050.393	86.000.000	17.451.195.387
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	7.832.924.208	318.583.850	304.757.853	-	8.456.265.911
Số dư cuối năm	6.666.470.568	277.299.122	108.802.287	-	7.052.571.977

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 có các tài sản có nguyên giá 5.336 triệu VND (1/1/2022: 4.632 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Tiên
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	21.595.389.689	311.000.000	21.906.389.689
Tăng trong năm	-	95.500.000	95.500.000
Số dư cuối năm	21.595.389.689	406.500.000	22.001.889.689
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	5.259.201.804	284.166.649	5.543.368.453
Khấu hao trong năm	485.204.724	33.200.019	518.404.743
Số dư cuối năm	5.744.406.528	317.366.668	6.061.773.196
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	16.336.187.885	26.833.351	16.363.021.236
Số dư cuối năm	15.850.983.161	89.133.332	15.940.116.493

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 có các tài sản có nguyên giá 311 triệu VND (1/1/2022: 81 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

11. Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Tên công ty	Số lượng cổ phiếu	31/12/2022 và 1/1/2022		
		Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô	552.500	3.250.000.000	(*)	-
Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây	30.000	750.000.000	(*)	-
		4.000.000.000		-

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.



Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Tiền
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

12. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Phí thuê kho và xe nâng	5.567.973.260	5.567.973.260
Biển quảng cáo	4.570.585.250	-
Công cụ và dụng cụ	1.098.207.455	606.091.667
	<hr/> 11.236.765.965	<hr/> 6.174.064.927

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Bao bì luân chuyển VND	Công cụ và dụng cụ VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	3.693.564.244	1.293.762.116	4.987.326.360
Tăng trong năm	-	144.573.148	144.573.148
Phân bổ trong năm	(3.693.564.244)	(915.369.691)	(4.608.933.935)
	<hr/> Số dư cuối năm	<hr/> -	<hr/> 522.965.573
		522.965.573	522.965.573

13. Phải trả người bán

Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn

	Giá trị ghi sổ/số có khả năng trả nợ	
	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn – một bên liên quan	70.839.451.758	135.393.440.715
Các nhà cung cấp khác	14.491.826.051	7.792.353.288
	<hr/> 85.331.277.809	<hr/> 143.185.794.003

Khoản phải trả thương mại cho bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Tiền
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

14. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2022 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã nộp/cần trừ trong năm VND	Phân loại lại VND	31/12/2022 VND
Thuế giá trị gia tăng	939.871.304	800.008.779.604	(790.617.984.046)	-	10.330.666.862
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.886.637.849	30.523.374.417	(27.264.190.032)	-	8.145.822.234
Thuế thu nhập cá nhân	657.858.285	1.574.163.511	(2.191.291.388)	-	40.730.408
Các loại thuế khác	-	2.365.405.416	(1.968.312.333)	(25.450.118)	371.642.965
	6.484.367.438	834.471.722.948	(822.041.777.799)	(25.450.118)	18.888.862.469

15. Chi phí phải trả

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Chi phí khuyến mãi	3.779.377.801	1.411.438.336
Chi phí khác	449.932.464	1.830.000.000
	4.229.310.265	3.241.438.336

16. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Cổ tức phải trả	390.650.164	99.472.625.832
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.155.863.600	3.877.944.740
Phải trả ngắn hạn khác	1.343.614.418	1.903.125.084
	3.890.128.182	105.253.695.656

Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Tiền
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2022	2021
	VND	VND
Số dư đầu năm	11.533.984.035	5.992.354.198
Trích lập trong năm (Thuyết minh 18)	3.845.587.160	6.753.579.846
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 18)	(3.684.389.476)	479.839.729
Sử dụng trong năm	(1.495.503.833)	(1.691.789.738)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	10.199.677.886	11.533.984.035

Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Tiền

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

18. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	40.000.000.000	17.402.513.589	109.784.454.009	167.186.967.598
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	54.970.563.335	54.970.563.335
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 17)	-	-	(6.753.579.846)	(6.753.579.846)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 17)	-	-	(479.839.729)	(479.839.729)
Trích quỹ công tác xã hội	-	-	(525.305.892)	(525.305.892)
Cổ tức (Thuyết minh 21)	-	-	(109.304.000.000)	(109.304.000.000)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	40.000.000.000	17.402.513.589	47.692.291.877	105.094.805.466
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	115.496.534.527	115.496.534.527
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 17)	-	-	(3.845.587.160)	(3.845.587.160)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 17)	-	-	3.684.389.476	3.684.389.476
Trích quỹ công tác xã hội	-	-	(525.305.895)	(525.305.895)
Cổ tức (Thuyết minh 21)	-	-	(51.376.000.000)	(51.376.000.000)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	40.000.000.000	17.402.513.589	111.126.322.825	168.528.836.414



Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Tiền
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

19. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2022 và 1/1/2022	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	4.000.000	40.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	4.000.000	40.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021.

20. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

21. Cổ tức

Đại Hội đồng Cổ đông thường niên của Công ty vào ngày 8 tháng 4 năm 2022 đã quyết định phân phối khoản cổ tức cho các cổ đông là 51.376 triệu VND (tương đương 12.844 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2021 (2021: 109.304 triệu VND, tương đương 27.326 VND/cổ phiếu, từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2020).

Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Tiền
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Trong vòng một năm	23.159.116.086	33.233.580.796
Từ hai đến năm năm	91.980.242.941	100.181.631.259
Sau năm năm	55.758.709.327	67.788.643.182
	170.898.068.354	201.203.855.237

(b) Hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba

		31/12/2022		1/1/2022	
	Đơn vị	Số lượng	VND	Số lượng	VND
Hàng hóa	Lít	6.484.573	134.318.090.800	1.162.617	20.699.481.553

23. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

	2022 VND	2021 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán bia	4.509.899.358.500	3.240.230.194.360
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	2.352.880.530	1.197.892.380
Doanh thu thuần	4.507.546.477.970	3.239.032.301.980

Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Tiền
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

24. Giá vốn hàng bán

	2022 VND	2021 VND
Tổng giá vốn hàng bán		
▪ Bia đã bán	4.264.331.085.080	3.089.166.208.309
▪ Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(81.676.000)	(64.668.000)
	<hr/> 4.264.249.409.080	<hr/> 3.089.101.540.309 <hr/>

25. Chi phí bán hàng

	2022 VND	2021 VND
Chi phí khuyến mãi	148.236.871.627	111.145.874.797
Chi phí nhân viên	83.617.206.089	73.739.213.750
Chi phí thuê kho	31.455.490.092	32.005.910.518
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.803.179.568	7.442.708.455
Chi phí vận chuyển, bốc xếp	5.926.598.456	5.759.749.836
Chi phí bao bì luân chuyển	3.693.564.244	10.440.860.523
Chi phí bán hàng khác	9.378.304.933	7.688.890.013
	<hr/> 291.111.215.009	<hr/> 248.223.207.892 <hr/>

26. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2022 VND	2021 VND
Chi phí nhân viên	12.514.745.556	10.310.239.867
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.037.390.219	1.278.607.360
Chi phí khấu hao và phân bổ	641.775.939	657.550.608
Chi phí quản lý khác	3.873.424.133	3.700.229.575
	<hr/> 19.067.335.847	<hr/> 15.946.627.410 <hr/>

Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Tiền
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

27. Thu nhập khác

	2022 VND	2021 VND
Nhận hỗ trợ chi phí bán hàng từ công ty mẹ	200.290.846.703	167.433.026.334
Nhận vật phẩm quảng cáo từ công ty mẹ	11.041.820.505	15.762.423.699
Thu nhập khác	587.947.000	-
	211.920.614.208	183.195.450.033

28. Chi phí kinh doanh theo yếu tố

	2022 VND	2021 VND
Giá vốn hàng hóa mua để bán lại	4.264.249.409.080	3.089.101.540.309
Chi phí nhân công và nhân viên	96.131.951.645	84.049.453.617
Chi phí khấu hao và phân bổ	1.971.499.677	2.016.251.316
Chi phí dịch vụ mua ngoài	97.053.819.920	94.706.836.843
Chi phí khác	115.021.279.614	83.397.293.526

29. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2022 VND	2021 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Năm hiện hành	30.072.387.777	14.039.533.049
Dự phòng thiếu trong những năm trước	450.986.640	536.485.387
	30.523.374.417	14.576.018.436
(Lợi ích)/chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(349.257.184)	39.600.000
	30.174.117.233	14.615.618.436



Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Tiền
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2022 VND	2021 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	145.670.651.760	69.586.181.771
Thuế theo thuế suất của Công ty	29.134.130.352	13.917.236.354
Chi phí không được khấu trừ thuế	757.750.241	278.396.695
Thu nhập không bị tính thuế	(168.750.000)	(116.500.000)
Dự phòng thiếu trong những năm trước	450.986.640	536.485.387
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	30.174.117.233	14.615.618.436

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo thuế suất thuế thu nhập thông thường trên lợi nhuận tính thuế. Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho các doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 20%.

30. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2022 VND	2021 VND
Lợi nhuận thuần trong năm	115.496.534.527	54.970.563.335
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(3.845.587.160)	(6.753.579.846)
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	111.650.947.367	48.216.983.489

(*) Số trích vào quỹ khen thưởng, phúc lợi được ước tính dựa vào số được phê duyệt bởi các cổ đông tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông thường niên.

Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Tiền
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

Không có biến động số lượng cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021. Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho cả hai năm báo cáo là 4.000.000 cổ phiếu.

31. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm, Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2022 VND	2021 VND
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn		
Nhận hỗ trợ chi phí bán hàng	200.290.846.703	167.433.026.334
Nhận vật phẩm quảng cáo	11.041.820.505	15.762.423.699
Chia cổ tức	46.238.400.000	98.373.600.000
Bán hàng hóa	971.894.320	550.031.280
Các bên liên quan khác		
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn		
Mua hàng hóa	4.243.455.697.130	3.191.157.594.270
Hàng trả lại	3.018.380.230	-
Phí sử dụng vỏ chai	2.384.852.651	1.361.966.795
Thuê pallet	1.445.930.267	1.186.489.563
Mua dịch vụ	260.232.000	263.232.000
Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô		
Mua hàng hóa	11.454.600	5.454.545
Cổ tức đã nhận	828.750.000	552.500.000
Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây		
Mua hàng hoá	113.476.000	81.744.000
Cổ tức đã nhận	15.000.000	30.000.000
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long		
Bán hàng hoá	33.046.200	3.027.400
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bến Tre		
Mua hàng hoá	-	65.919.000
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây		
Bán hàng hoá	-	194.803.400
Công ty Cổ phần Nước Giải Khát Chương Dương		
Mua hàng hoá	138.240.800	79.291.800

Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Tiền
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)


	Giá trị giao dịch	
	2022	2021
	VND	VND
Công Ty TNHH Một Thành Viên Tập Đoàn Bia Sài Gòn		
Bán dịch vụ	587.623.500	-
Công ty TNHH Bia Sài Gòn - Sóc Trăng		
Bán hàng hoá	-	117.456.000
Thành viên Hội đồng Quản trị		
<i>Thù lao</i>		
Ông Koo Liang Kwee - Chủ tịch (từ ngày 18 tháng 2 năm 2022)	68.494.382	-
Ông Teo Hong Keng - Chủ tịch (đến ngày 18 tháng 2 năm 2022)	9.505.618	78.000.000
Ông Lương Trung Nhân - Thành viên	65.000.000	65.000.000
Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Thành viên	65.000.000	65.000.000
Thành viên Ban Giám đốc		
Lương, thưởng và thù lao	1.720.972.165	1.667.889.097
Thành viên Ban Kiểm soát		
<i>Thù lao</i>		
Bà Chim Thị Ngọc Mỹ - Trưởng Ban Kiểm soát	386.827.433	391.397.314
Bà Nguyễn Trang - Thành viên	52.000.000	52.000.000
Bà Nguyễn Thị Bích Hà - Thành viên	52.000.000	52.000.000

32. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2022 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Ngày 8 tháng 3 năm 2023

Người lập:


 Trần Thị Mỹ Nhân
 Kế toán

Người duyệt:


 Bùi Chí Hiếu
 Kế toán trưởng


 Phang Ashlyn
 Giám đốc

